

TỈNH UỶ AN GIANG
*
Số 62-KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về định hướng xây dựng chính sách công nghiệp Tỉnh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

LIÊN ĐOÀN LÀO ĐỘNG T. AN GIANG	
DEN	Số: 849
Ngày:	30/8/2018

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về “Định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Kế hoạch như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Xác định phát triển ngành Công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản phục vụ sản xuất nông nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần phát triển kinh tế chung của Tỉnh. Thời gian qua, Tỉnh đã tập trung thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương và của Tỉnh để phục vụ phát triển công nghiệp. Theo đó, chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, phát triển các loại hình công nghiệp chế biến có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm chủ lực của Tỉnh, phát triển tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống ở các địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn.

Nhờ vậy, ngành Công nghiệp của Tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Đến cuối năm 2017, giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 7,02%/năm, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh, đưa tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 14,21% trong cơ cấu kinh tế. Chất lượng hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu ngày càng được nâng cao, tạo được uy tín, mở rộng thị trường thế giới.

Tuy nhiên, ngành Công nghiệp của Tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; tổng mức giá trị tăng thêm của ngành thấp, chưa đủ để tạo sự chuyển dịch nhanh trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh, tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các tỉnh khu vực đồng bằng Sông Cửu Long. Sản phẩm công nghiệp còn đơn điệu, chế biến thô, giá trị thấp, chưa có nhiều nhãn hiệu, thương hiệu mạnh của ngành; các mối liên kết trong sản xuất còn yếu, thiếu chặt chẽ, chưa bền vững; các dự án sản xuất trong ngành có quy mô nhỏ và trung bình, chưa có các dự án đầu tư lớn làm động lực cho sự phát triển, các doanh nghiệp công nghiệp phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa; việc cơ cấu lại

các ngành công nghiệp còn chậm; năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp cơ khí thấp, công nghệ lạc hậu, chủ yếu là gia công, sửa chữa, giá trị gia tăng thấp; công nghiệp hỗ trợ kém phát triển; nhiều quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành tuy được phê duyệt nhưng thiếu nguồn lực để triển khai, việc đầu tư còn dàn trải, kém hiệu quả; nhiều khu, cụm công nghiệp được quy hoạch hoặc đã triển khai thành lập nhưng chưa phát huy hiệu quả; tình trạng ô nhiễm môi trường từ phát triển công nghiệp diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân chủ quan của những tồn tại, hạn chế trên là do:

Một là, nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về chính sách phát triển công nghiệp Tỉnh có nơi, có lúc còn chưa đầy đủ, toàn diện, chưa xem công nghiệp là động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển dẫn đến việc phân bổ nguồn lực cho phát triển công nghiệp còn hạn chế.

Hai là, công tác quản lý của Nhà nước đối với một số lĩnh vực công nghiệp còn chồng chéo, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành liên quan (như quản lý công nghiệp chế biến nông - thủy sản, quản lý ngành nghề, làng nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp...).

Ba là, các chủ trương, chính sách của Tỉnh về phát triển công nghiệp chưa mang tính tổng thể và thiếu đồng bộ, nhất là các chính sách huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho phát triển công nghiệp, chính sách về phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ phục vụ phát triển ngành công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu...

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với các điều kiện phát triển của Tỉnh, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; xem công nghiệp là động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ và củng cố an ninh quốc phòng.

- Chính sách phát triển công nghiệp là một bộ phận của chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương, gắn liền với chính sách phát triển các ngành kinh tế khác, đặc biệt là với chính sách phát triển nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế khác để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, trong đó, chú trọng các cụm liên kết ngành công nghiệp phục vụ chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của Tỉnh.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Tận dụng tối đa lợi thế của địa phương về vùng nguyên liệu các sản phẩm nông nghiệp, về dân số, lao động, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế biên giới để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông - thủy sản. Phát triển các loại hình công nghiệp chế biến có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm chủ lực của Tỉnh, phát triển tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống ở các địa phương.

- Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo giữ vị trí then chốt, là khâu đột phá trong chính sách phát triển công nghiệp Tỉnh; ứng dụng có chọn lọc thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 phù hợp với điều kiện địa phương để có cách tiếp cận, đi tắt, đón đầu hợp lý trong hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp được xác định ưu tiên của địa phương.

- Cơ quan quản lý Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng, triển khai thực hiện và hoàn thiện chính sách cho phát triển công nghiệp Tỉnh, tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh công nghiệp thuận lợi, ổn định, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực và là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất trong công nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, công nghiệp An Giang phát triển đạt gần mức trung bình cả nước và thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó, đưa ngành Công nghiệp chế biến nông – thủy sản của Tỉnh trở thành ngành công nghiệp có sức cạnh tranh mạnh trong khu vực.

- Tầm nhìn đến năm 2045, công nghiệp An Giang phát triển đạt mức trung bình cả nước, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và trở thành trung tâm phát triển công nghiệp chế biến nông – thủy sản của cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt khoảng 25% đến 30%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt trên 25%, trong đó công nghiệp chế biến đạt trên 20%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 20%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 8%/năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 8,5%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm.

- Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên ngành chế biến nông - thủy sản có quy mô lớn, mang tầm quốc gia, trong đó có cụm công nghiệp sinh thái giảm phát thải.

III. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH

1. Chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành Công nghiệp

- Thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên từng vùng, từng địa phương theo hướng tập trung, không dàn đều theo địa giới hành chính, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Có chính sách thúc đẩy việc dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; từ chế biến thô sang chế biến tinh, tạo giá trị gia tăng lớn cho sản phẩm công nghiệp. Chống mọi biểu hiện duy ý chí, lợi ích cục bộ trong phân bố không gian công nghiệp.

- Xây dựng các tiêu chí, điều kiện, cơ chế cụ thể để xác định và phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp, bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm, trước hết ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp hoặc có lợi thế về giao thông, địa kinh tế, tài nguyên, lao động, logistics, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng. Triển khai cơ chế, chính sách xây dựng thí điểm về cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị.

- Các chính sách hỗ trợ của Tỉnh về phát triển cụm liên kết ngành Công nghiệp tập trung vào tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, xây dựng kết cấu hạ tầng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết ngành Công nghiệp.

2. Chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Lựa chọn một số ngành công nghiệp để ưu tiên phát triển theo hướng phải đáp ứng các nguyên tắc: Dựa trên kết quả phân tích khách quan lợi thế của Tỉnh; có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; có khả năng tạo ra

giá trị gia tăng cao; một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động mà Tỉnh đang có lợi thế. Việc xác định các ngành công nghiệp ưu tiên phải có tính động và linh hoạt cần thiết, định kỳ phải đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chí để có điều chỉnh phù hợp.

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may, da giày nhưng ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao, hạn chế ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực cơ khí đặc biệt là cơ khí phục vụ nông nghiệp, phục vụ công nghiệp chế biến nông - thủy sản của Tỉnh...

- Các chính sách hỗ trợ của Tỉnh đối với các ngành công nghiệp ưu tiên phải theo cơ chế thị trường, tuân thủ các quy định của Nhà nước; có thời hạn cụ thể tùy theo điều kiện và nguồn lực của Tỉnh. Chính sách hỗ trợ đầu tư của Tỉnh vào các ngành công nghiệp ưu tiên chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Tránh dàn trải trong lựa chọn các ngành công nghiệp ưu tiên, bảo đảm đủ các nguồn lực cần thiết.

3. Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp

- Thực thi các chính sách, tạo cơ chế để tạo điều kiện thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp. Hoàn thiện các chính sách, tiếp cận tín dụng ưu đãi để hỗ trợ và thúc đẩy phát triển công nghiệp.

- Nghiên cứu cơ chế đặc thù và đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách tín dụng cho vay theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp, cho vay trên cơ sở hiệu quả của các dự án đầu tư. Xây dựng cơ chế hoạt động hiệu quả đối với các quỹ hỗ trợ phát triển của Tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách miễn, giảm thuế với các ngành công nghiệp ưu tiên theo quy định của Nhà nước. Đẩy nhanh kết nối liên thông giữa quản lý thuế và hải quan, giữa các cơ quan có liên quan theo cơ chế một cửa của Tỉnh.

- Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận tài chính, tín dụng, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Xoá bỏ triệt để các rào cản, bất bình đẳng trong tiếp cận tài chính, tín dụng của các doanh nghiệp công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Triển khai thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước. Hướng dẫn và có các biện pháp hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại; xây dựng và thực thi Chương trình xúc tiến thương mại Tỉnh đối với các sản phẩm công nghiệp.

- Đa dạng hóa, phát triển thị trường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp Tỉnh, tránh phụ thuộc vào một số thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp xuất khẩu, nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm hàng hóa của Tỉnh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

- Xây dựng chính sách đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ ở các địa bàn có quy hoạch phát triển công nghiệp. Xem phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ là yếu tố quyết định để thu hút đầu tư, tạo môi trường đầu tư sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

4. Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp

- Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 40-KH/TU, ngày 11/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020 được Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trong nước thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp đất nước trên cơ sở triển khai thực hiện quyết liệt Kế hoạch số 38-KH/TU, ngày 20/11/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp trong Tỉnh.

Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hình thành các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế. Hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp. Xây dựng tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ, chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện phụ tùng cho các máy móc, thiết bị phục vụ ngành Nông nghiệp và ngành Công nghiệp chế biến nông - thủy sản của Tỉnh. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Đổi mới chính sách và đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào công nghiệp Tỉnh, nhất là ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo. Chú trọng chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp từ số lượng sang chất lượng và có trọng tâm, trọng điểm. Định hướng lựa chọn và khuyến khích dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nhiều nguyên liệu, linh phụ kiện sản xuất trong Tỉnh, có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, đào tạo nhân lực tại chỗ; các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp

- Nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, tập trung phát triển đào tạo các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật cao; có khả năng làm chủ và tiếp nhận được công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp chất lượng cao (qua các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu theo quy định của Trung ương), nhằm gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Có chính sách thu hút và sử dụng nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo nhất là đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước.

- Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân công nghiệp của Tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

6. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 28/02/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ công tác cải cách hành chính, như: đảm bảo vận hành Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh thông suốt; triển khai các dự án đầu tư trang thiết bị, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố, công khai các thông tin nhanh chóng, thuận lợi; tập trung vào cung cấp các dịch vụ công để tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của Tỉnh.

- Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ. Phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, các tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo hưởng ưu đãi chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.

7. Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

- Xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Từng bước ứng dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Điều chỉnh chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi và phù hợp với quy hoạch ngành.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong tất cả các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ban hành chính sách khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và

bảo vệ môi trường. Quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp và có chế tài xử lý nghiêm vi phạm. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

8. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ Tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của từng ngành và từng cấp.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp từ Tỉnh đến cơ sở, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh trong công nghiệp phù hợp với đặc trưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách; khắc phục kịp thời tình trạng không thống nhất, thực thi kém hiệu quả các quy định pháp luật. Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Tỉnh.

- Mở rộng sự tham gia thiết thực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc Tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, quan hệ thân hữu, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp Tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, người dân, doanh nghiệp; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Nhà nước, điều kiện thực tế của địa phương ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan và giám sát việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hoá thực hiện Kế hoạch này và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện phù hợp với điều kiện của từng ngành, lĩnh vực và đơn vị.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của Tỉnh thường xuyên phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về định hướng xây dựng chính sách công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch này.

5. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo dõi, báo cáo định kỳ cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đơn vị cấp tỉnh,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các đồng chí tinh uỷ viên,
- Các đồng chí Nguyễn Trọng Thể, Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Quang Bán, Thái Văn Lực, Vũ Anh Tuấn, Mai Ngọc Sơn, Chu Trần Trường,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.



BIỂU PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
Kế hoạch về định hướng xây dựng chính sách công nghiệp
tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Kế hoạch số 62-KH/TU, ngày 31/7/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện hoàn thành	Kết quả
I	XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH				
1	Chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp				
1.1	Thực hiện điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế trên từng vùng, từng địa phương theo hướng tập trung, không dàn đều theo địa giới hành chính, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh. Có chính sách thúc đẩy việc dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; từ chế biến thô sang chế biến tinh, tạo giá trị gia tăng lớn cho sản phẩm công nghiệp. Chống mọi biểu hiện duy ý chí, lợi ích cục bộ trong phân bố không gian công nghiệp.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
1.2	Xây dựng các tiêu chí, điều kiện, cơ chế cụ thể để xác định và phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp, bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm, trước hết ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp hoặc có lợi thế về giao thông, tài nguyên, lao động, logistics, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng. Triển khai cơ chế, chính sách xây dựng thí điểm về cụm liên kết ngành Công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo

1.3	Các chính sách hỗ trợ của Tỉnh về phát triển cụm liên kết ngành Công nghiệp tập trung vào tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, xây dựng kết cấu hạ tầng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết ngành Công nghiệp	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
2	Chính sách phát triển các ngành Công nghiệp ưu tiên				
2.1	Lựa chọn một số ngành Công nghiệp để ưu tiên phát triển theo hướng phải đáp ứng các nguyên tắc: Dựa trên kết quả phân tích khách quan lợi thế của Tỉnh; có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao; một số ngành Công nghiệp sử dụng nhiều lao động mà Tỉnh đang có lợi thế. Việc xác định các ngành công nghiệp ưu tiên phải có tính động và linh hoạt cần thiết, định kỳ phải đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chí để có điều chỉnh phù hợp.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
2.2	Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: Công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tiếp tục phát triển Công nghiệp dệt may, da giày nhưng ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao, hạn chế ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực cơ khí đặc biệt là cơ khí phục vụ nông nghiệp, phục vụ Công nghiệp chế biến nông - thuỷ sản của Tỉnh...	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
3	Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp				
3.1	Thực thi các chính sách, tạo cơ chế để tạo điều kiện thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp. Hoàn thiện các chính sách, tiếp cận tín dụng ưu đãi để hỗ trợ và thúc đẩy phát triển công nghiệp.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo

3.2	Nghiên cứu cơ chế đặc thù và đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách tín dụng cho vay theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp, cho vay trên cơ sở hiệu quả của các dự án đầu tư. Xây dựng cơ chế hoạt động hiệu quả đối với các quỹ hỗ trợ phát triển của Tỉnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
3.3	Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách miễn, giảm thuế với các ngành công nghiệp ưu tiên theo quy định của Nhà nước. Đẩy nhanh kết nối liên thông giữa quản lý thuế và hải quan, giữa các cơ quan có liên quan theo cơ chế một cửa của Tỉnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
3.4	Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận tài chính, tín dụng, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Xoá bỏ triệt để các rào cản, bất bình đẳng trong tiếp cận tài chính, tín dụng của các doanh nghiệp công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
3.5	Triển khai thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành Công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước. Hướng dẫn và có các biện pháp hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại; xây dựng và thực thi Chương trình xúc tiến thương mại tinh đối với các sản phẩm công nghiệp.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
3.6	Đa dạng hóa, phát triển thị trường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp tỉnh, tránh phụ thuộc vào một số thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp xuất khẩu, nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm hàng hóa của Tỉnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo

3.7	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
3.8	Xây dựng chính sách đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
3.9	Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ ở các địa bàn có quy hoạch phát triển công nghiệp. Xem phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ là yếu tố quyết định để thu hút đầu tư, tạo môi trường đầu tư sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
4	Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp				
4.1	Đẩy nhanh việc sáp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 40-KH/TU, ngày 11/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thành việc sáp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sáp xếp giai đoạn 2016 - 2020 được Chính phủ phê duyệt.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo

4.2	<p>Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trong nước thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp đất nước trên cơ sở triển khai thực hiện quyết liệt Kế hoạch số 38-KH/TU, ngày 20/11/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp trong Tỉnh. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hình thành các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp.</p>	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
4.3	<p>Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế. Hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp. Xây dựng tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ, chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện phụ tùng cho các máy móc, thiết bị phục vụ ngành Nông nghiệp và ngành Công nghiệp chế biến nông - thuỷ sản của Tỉnh. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.</p>	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
4.4	<p>Đổi mới chính sách và đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào công nghiệp tỉnh, nhất là ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo. Chủ trọng chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp từ số lượng sang chất lượng và có trọng tâm, trọng điểm. Định hướng lựa chọn và khuyến khích dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nhiều nguyên liệu, linh phụ kiện sản xuất trong Tỉnh, có hàm lượng khoa học-công nghệ cao, đào tạo nhân lực tại chỗ; các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.</p>	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo

5	Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp				
5.1	Nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
5.2	Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo trên địa bàn Tỉnh nhằm tạo ra nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, tập trung phát triển đào tạo các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật cao; có khả năng làm chủ và tiếp nhận được công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp chất lượng cao (thông qua các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu theo quy định của trung ương), nhằm gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo
5.3	Có chính sách thu hút và sử dụng nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo nhất là đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
5.4	Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân công nghiệp tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo

6	Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp				
6.1	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 28/02/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
6.2	Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính, như: Đảm bảo vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh thông suốt, trực tuyến 24/7; tích hợp, liên thông các phần mềm chuyên ngành của các sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố vào hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh; triển khai các dự án đầu tư trang thiết bị, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố, công khai các thông tin nhanh chóng, thuận lợi; tập trung vào cung cấp các dịch vụ công để tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
6.3	Đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của Tỉnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
6.4	Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ. Phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo

6.5	Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, các tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo hưởng ưu đãi chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo	
7	Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp					
7.1	Xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Từng bước ứng dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Điều chỉnh chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi và phù hợp với quy hoạch ngành.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Báo cáo	
7.2	Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong tất cả các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ban hành chính sách khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Rà soát, đề nghị sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của các ngành công nghiệp; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp và có chế tài xử lý nghiêm vi phạm. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển mạnh ngành Công nghiệp môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo	
8	Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp					

8.1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của từng ngành và từng cấp.	Các cấp uỷ đảng	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
8.2	Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh trong công nghiệp phù hợp với đặc trưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách; khắc phục kịp thời tình trạng không thống nhất, thực thi kém hiệu quả các quy định pháp luật. Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
8.3	Mở rộng sự tham gia thiết thực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách công nghiệp. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, quan hệ thân hữu, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp tỉnh.	Đảng đoàn Uỷ ban Mặt trận trận tổ quốc tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo
8.4	Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.	Ban dân vận Tỉnh uỷ, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Báo cáo

II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN				
1	Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, người dân, doanh nghiệp; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	Cấp ủy đảng	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
2	Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của Nhà nước, điều kiện thực tế của địa phương ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan và giám sát việc thực hiện.	Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo
3	Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thực hiện Kế hoạch này và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện phù hợp với điều kiện của từng ngành, lĩnh vực và đơn vị.	Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo
4	Chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của Tỉnh thường xuyên phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về định hướng xây dựng chính sách công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch này.	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	Các đơn vị liên quan	Năm 2018, các năm tiếp theo	Kế hoạch, Báo cáo
5	Theo dõi, báo cáo định kỳ cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch.	Văn phòng Tỉnh uỷ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Báo cáo